

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 05/2024/KDTM-ST

Ngày 06-9-2024

V/v “tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kỳ Vũ.

2. Ông Lê Văn Thương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Kiều Thị Mỹ Tiên.

Vào ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XI** (gọi tắt là **E**)

Địa chỉ: **L+16 Tòa nhà V, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hoàng H** – Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn Hoàng H**: Ông **Trần Minh K** – Chức vụ: Giám đốc **E**.

Người đại diện lại của ông **Trần Minh K**: Ông **Nguyễn Trường H1** – Chức vụ: Trưởng nhóm kinh doanh. (Văn bản ủy quyền số 15/2024/EIBMT/UQ-GĐ ngày 16/8/2024)

2. Bị đơn: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN T2 CƯỜNG XUYẾN** (gọi tắt là **Công ty T2**)

Địa chỉ: **Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Cang C** – Chức vụ: Giám đốc.
Địa chỉ: **Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1981.

- Anh **Nguyễn Cường T**, sinh năm 2005.

- Cháu **Nguyễn Kim T1**, sinh năm 2008 (Bà **Hồ Thị X** đại diện cho cháu **Nguyễn Kim T1**)

Địa chỉ: **Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.**

(Ông **H1**, bà **X** có mặt; ông **C**, anh **T** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn E trình bày:**

E chi nhánh T3 và **Công ty T2** có ký kết Hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD) số 1518-LAV-210096859 ngày 22/11/2021. Căn cứ HĐTD trên, **E** đã giải ngân cho **Công ty T2** các khoản vay theo các Khế ước nhận nợ sau:

1. Khế ước nhận nợ số 1518-LDS-22000796 ngày 29/8/2022:

- Số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng.

- Ngày nhận nợ: 29/8/2022. Thời gian vay: 05 tháng.

- Lịch trả gốc: Trả một lần khi đáo hạn.

- Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 15 tây.

- Lãi suất vay: 9%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

2. Khế ước nhận nợ số 1518-LDS-220000839 ngày 12/9/2022:

- Số tiền nhận nợ: 400.000.000 đồng.

- Ngày nhận nợ: 12/9/2022. Thời gian vay: 05 tháng.

- Lịch trả gốc: Trả một lần khi đáo hạn.
- Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 15 tây.
- Lãi suất vay: 9%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

3. Khế ước nhận nợ số 1518-LDS-220000954 ngày 14/10/2022:

- Số tiền nhận nợ: 250.000.000 đồng.
- Ngày nhận nợ: 14/10/2022. Thời gian vay: 05 tháng.
- Lịch trả gốc: Trả một lần khi đáo hạn.
- Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 15 tây.
- Lãi suất vay: 9,4%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Nguyễn Cang C là người đại diện theo pháp luật của Công ty T2 cùng với bà Hồ Thị X đã thế chấp cho E tài sản sau: Quyền sử dụng 323,8m² đất bao gồm 131,3m² đất ở đô thị và 192,5m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang, thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01492 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu C1 ngày 20/10/2009 đã đăng ký biến động tại T 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/3/2017 chuyển nhượng cho bà Hồ Thị X, sinh năm 1981 theo hồ sơ số 000524.CN.038. Hợp đồng thế chấp ngày 29/11/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 21/12/2021.

Quá trình vay nợ cho đến hết thời hạn trả nợ, Công ty T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo HĐTD đã ký kết nên E đã chuyển khoản nợ của Công ty T2 sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 01/8/2023, Công ty T2 còn nợ E tổng số tiền là 791.564.336 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 730.329.987 đồng và nợ lãi là 61.234.349 đồng.

Nay E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T2 phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 01/8/2023 là 791.564.336 đồng. Sau khi xét xử, Công ty T2 tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo HĐTD đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ cho E thì E có quyền đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho E.

*** Về phía bị đơn:**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty T2 là ông Nguyễn Cang C đã được Tòa án thông báo về việc E khởi kiện và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố

tụng và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

*** Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 01/11/2023, ngày 15/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị X trình bày:**

Trong thời kỳ hôn nhân, bà được mẹ ruột mua cho một phần đất để cất nhà làm ăn, sinh sống là thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01492 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu C1 ngày 20/10/2009 đã đăng ký biến động tại T 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/3/2017 chuyển nhượng cho bà Hồ Thị X, sinh năm 1981 theo hồ sơ số 000524.CN.038. Khi đó, ông C có nhờ bà ký nhận để ông C vay vốn tại E chi nhánh M. Toàn bộ việc thu công nợ, thanh toán khoản vay như thế nào do ông C quản lý.

Hiện nay bà và ông Nguyễn Cang C đã ly hôn theo quyết định thuận tình ly hôn số 01/2022/QĐ.CNTTLH ngày 28/9/2022. Sau khi ly hôn, mới phát hiện ông C còn khoản vay quá hạn tại E chưa thanh toán, bà đã nhiều lần liên lạc với ông C nhưng không được.

Đối với yêu cầu khởi kiện của E bà hoàn toàn thống nhất với số nợ. Suốt thời gian qua, mỗi tháng bà đều chuyển khoản thanh toán cho E 10.000.000 đồng. Nay đề nghị E xem xét cho tiếp tục thực hiện khoản vay, hàng tháng bà sẽ thanh toán 10.000.000 đồng cho khoản vay tại E cho đến khi trả xong nợ gốc và lãi.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

Ông Nguyễn Trường H1 là đại diện của E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T2 phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 06/9/2024 là 738.729.278 đồng, trong đó nợ gốc là 580.803.394 đồng, lãi trong hạn là 7.202.270 đồng, lãi quá hạn là 149.596.689 đồng và lãi phạt chậm trả là 1.126.921 đồng. Sau khi xét xử, Công ty T2 tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo HĐTD đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ cho E thì E có quyền đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho E.

* Bà Hồ Thị X thống nhất với khoản nợ mà E yêu cầu. Tuy nhiên hiện nay ngoài thu nhập từ kinh doanh quán cơm tấm ra thì không còn thu nhập nào khác nên không có khả năng thanh toán một lần cho E. Đề nghị E cho tiếp tục khoản vay, sẽ thanh toán mỗi tháng 10.000.000 đồng cho khoản vay tại E cho đến khi trả xong nợ gốc và lãi.

* Ông Nguyễn Cang C là người đại diện theo pháp luật của Công ty T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Cường T vắng mặt và không có văn

bản trình bày ý kiến của mình đối với nội dung vụ án.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của E, buộc Công ty T2 do ông Nguyễn Cang C là chủ sở hữu phải trả cho E tổng số tiền như đã yêu cầu. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xét, Công ty T2 phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn tại các khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ. Ngoài ra, đề nghị buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: E khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết buộc Công ty T2 do ông Nguyễn Cang C làm đại diện phải trả cho E tổng số tiền vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 06/9/2024 là 738.729.278 đồng. Công Cường X có địa chỉ trụ sở tại Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Cang C là người đại diện của Công ty T2 và anh Nguyễn Cường T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3]. Về nội dung: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trường H1 là đại diện của E yêu cầu Công ty T2 phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 06/9/2024 là 738.729.278 đồng, trong đó nợ gốc là 580.803.394 đồng, lãi trong hạn là 7.202.270 đồng, lãi quá hạn là 149.596.689 đồng và lãi phạt chậm trả là 1.126.921 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của E là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

[3.1]. Thực tế Công ty T2 do ông Nguyễn Cang C chủ sở hữu đã vay vốn tại E như HĐTD và các khế ước nhận nợ mà E đã trình bày. Tuy nhiên đến khi hết thời hạn vay theo các khế ước nhận nợ cho đến nay ông Nguyễn Cang C vẫn chưa thanh toán các khoản tiền phát sinh từ HĐTD đã ký kết cho E. Như vậy, ông Nguyễn Cang C đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, vi phạm quy định về nghĩa vụ của các bên khi tham gia hoạt động thương mại.

[3.1.1]. Khế ước nhận nợ số 1518-LDS-22000796 ngày 29/8/2022: Số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng, N nhận nợ: 29/8/2022, thời gian vay, 05 tháng. Lãi suất vay: 9%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Đối với khoản vay này, tính đến ngày 06/9/2024, nợ gốc còn lại là 548.398 đồng, lãi trong hạn được tính từ ngày 15/01/2023 đến ngày 28/01/2023 với số tiền là 706.380 đồng. Kể từ ngày 29/01/2023, khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất phải chịu là 13,5% với tổng số tiền lãi quá hạn là 14.286.707 đồng. Ngoài ra, Công ty T2 còn phải chịu thêm khoản lãi do chậm trả lãi với lãi suất 10%/năm với số tiền là 113.988 đồng. Tổng cộng là 15.655.473 đồng.

[3.1.2]. Khế ước nhận nợ số 1518-LDS-220000839 ngày 12/9/2022: Số tiền nhận nợ: 400.000.000 đồng. Ngày nhận nợ: 12/9/2022. Thời gian vay: 05 tháng. Lãi suất vay: 9%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Đối với khoản vay này, tính đến ngày 06/9/2024, nợ gốc còn lại là 330.255.000 đồng, lãi trong hạn được tính từ ngày 15/01/2023 đến ngày 11/02/2023 với số tiền là 2.761.644 đồng. Kể từ ngày 12/02/2023, khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất phải chịu là 13,5% với tổng số tiền lãi quá hạn là 82.676.418 đồng. Ngoài ra, Công ty T2 còn phải chịu thêm khoản lãi do chậm trả lãi với lãi suất 10%/năm với số tiền là 438.404 đồng. Tổng cộng là 416.131.466 đồng.

[3.1.3]. Khế ước nhận nợ số 1518-LDS-220000954 ngày 14/10/2022: Số tiền nhận nợ: 250.000.000 đồng. Ngày nhận nợ: 14/10/2022. Thời gian vay: 05 tháng. Lãi suất vay: 9,4%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Đối với khoản vay này, tính đến ngày 06/9/2024, nợ gốc còn lại là 250.000.000 đồng, lãi trong hạn được tính từ ngày 15/01/2023 đến ngày 13/3/2023 với số tiền là 3.734.246 đồng. Kể từ ngày 14/3/2023, khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất phải chịu là 14,1% với tổng số tiền lãi quá hạn là 52.633.564 đồng. Ngoài ra, Công ty T2 còn phải chịu thêm khoản lãi do chậm trả lãi với lãi suất 10%/năm với số tiền là 574.529 đồng. Tổng cộng là 306.942.339 đồng.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Khoản 7, Khoản 17, Khoản 23 Điều 4, Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, thì việc E yêu

cầu các khoản lãi, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả là phù hợp. Như vậy, tổng số nợ Công ty T2 còn nợ E tính đến ngày 06/9/2024 là:

15.655.473 đồng + 416.131.466 đồng + 306.942.339 đồng = **738.729.278 đồng.**

[3.2]. Về nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty T2 do ông Nguyễn Cang C làm đại diện, ông C là người ký kết hợp đồng và nhận nợ., do đó HĐTD số 1518-LAV-210096859 ngày 22/11/2021 giữa ông C là đại diện của Công ty T2 và E là hợp pháp.

Tại Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 13/01/2016 và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 16/5/2018 thì chủ sở hữu Công ty T2 là ông Nguyễn Cang C. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 74, Điều 75 và Điều 77 Luật Doanh nghiệp 2020 thì trách nhiệm trả nợ là của ông Nguyễn Cang C chủ sở hữu Công ty T2.

[3.3]. Về thời hạn trả nợ: Tại phiên tòa ông Nguyễn Trường H1 yêu cầu bị đơn trả nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy ông C đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho phía E, nên Hội đồng xét xử cần thiết buộc ông C phải có nghĩa vụ trả nợ cho E theo yêu cầu của E là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 297 của Luật Thương mại.

[3.4]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, ông Nguyễn Cang C là người đại diện theo pháp luật của Công ty T2 cùng với bà Hồ Thị X đã thế chấp cho E tài sản sau: Quyền sử dụng 323,8m² đất bao gồm 131,3m² đất ở đô thị và 192,5m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang, thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01492 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu C1 ngày 20/10/2009 đã đăng ký biến động tại T 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/3/2017 chuyển nhượng cho bà Hồ Thị X, sinh năm 1981 theo hồ sơ số 000524.CN.038. Hợp đồng thế chấp ngày 29/11/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 21/12/2021. Tài sản thế chấp cũng đã đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị X đều thống nhất việc tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp mà E trình bày. Vì vậy, đủ căn cứ xác định, hợp đồng thế chấp làm phát sinh hiệu lực đối với các bên. Trong trường hợp Công ty T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì E có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang phát mại tài sản thế chấp mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại các Điều 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 323 và Điều 327 của Bộ luật Dân sự.

[4]. *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của E được chấp nhận nên ông Nguyễn Cang C là chủ sở hữu Công ty T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án với số tiền án phí phải chịu là 33.549.171 đồng.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 327, 463, 466 của Bộ luật dân sự.
- Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các Điều 297, 300, 301 và Điều 306 của Luật Thương mại.
- Khoản 7, Khoản 17, Khoản 23 Điều 4 và Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.
- Khoản 1 Điều 74, Điều 75 và Điều 77 Luật Doanh nghiệp 2020.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Điều 26 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X1 (E).

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2 (Công ty T2) do ông Nguyễn Cang C là chủ sở hữu phải trả cho E tổng số tiền nợ gốc và các khoản lãi là **738.729.278 đồng** (Bảy trăm ba mươi tám triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả sau khi án có hiệu lực pháp

luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1518-LAV-210096859 ngày 22/11/20 và các Khế ước nhận nợ số số 1518-LDS-22000796 ngày 29/8/2022, 1518-LDS-220000839 ngày 12/9/2022, 1518-LDS-220000954 ngày 14/10/2022.

2. Về án phí:

- Công ty T2 do ông Nguyễn Cang C là chủ sở hữu phải chịu **33.549.171 đồng** (Ba mươi ba triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn một trăm bảy mươi một đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **17.831.000 đồng** (Mười bảy triệu tám trăm ba mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0012025 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần X1 (E) và bà Hồ Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Ông Nguyễn Cang C và anh Nguyễn Cường T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu

